



Ông Thanh Sĩ hay Người Có Huệ

- **Phần II. Ông Thanh Sĩ hay Người Có Huệ**
 - **1- Thế nào là người phát huệ ?**
 - **2-Luật tuần-hoàn của đời sống vô-vi và hữu-vi**
 - **3-Những tai-biến trước ngày Hội Long-Hoa**
 - **4-Giảng về Hội Long-Hoa**
 - **5-Giảng về đời Thượng-Ngươn**

(Trích Phần II Trong Hội Long Hoa của Vương Kim)

DÂN chúng ở miệt Hậu-giang và một số người ở sai gòn không còn lạ với ông Thanh-Sĩ. Ông tên tộc là Trần-duy-Nhứt mà người đời thường gọi là cậu Hai nhỏ. Năm nay, ông mới 25 tuổi, vốn là người sanh-trưởng ở Nha-mân thuộc tỉnh Sa-Đéc. Mồ côi cha từ nhỏ, ông sống với mẹ già, nhà nghèo nên sự học-hành chệnh-mảng. Ông chỉ học đến lớp ba trường làng rồi thôi. Ông sống với mẹ và lo việc tu-hành theo phái cư-sĩ tại-gia, pháp-môn có Đức Huỳnh Giáo-chủ hoằng-hoá, chú-trọng về đạo Tứ-ân, học Phật tu nhơn, chớ không có khổ-hạnh trường chay, hay luyện đơn hoá khí gì, nghĩa là tu như bao nhiêu tín-đồ Phật-giáo Hoà-Hảo.

Ấy thế, ,mà khi ông lên mười sáu tuổi thì bỗng nhiên ông sáng tỏ, tông-minh một cách lạ thường, nhưng hồi ấy ông chưa biểu-lộ cho ai biết. Gặp lúc loạn-lạc, ông và mẹ bỏ đất Nha-Mân tản-cư lên miệt Châu-đốc và Long-xuyên. Và vào mùa xuân năm 1948, lúc ông được 21 tuổi thì ông ra đời nói pháp.

Và đây là những điều kỳ-diệu mà người đời phải ngạc-nhiên. Ông có tài hùng-biện mà xưa nay chưa từng thấy.

Chúng ta thường thấy các vị cao-tăng thuyết-pháp, người kém học thì hoặc viết bài sẵn rồi đọc, kẻ lâu-thông thì hoặc ứng khẩu, nhưng hầu hết đều dùng loại văn xuôi. Đến như ông Thanh-Sĩ thì chẳng thế. Bất cứ ở đâu ông cũng ứng khẩu và thuyết-pháp bằng thi trường thiên, khi thì thượng lục hạ bát, khi thì song thất lục bát, khi thì thất ngôn trường thiên, khi thì

tứ cú liên hoàn, thao thao bất tuyệt, cả ba bốn giờ đồng hồ mà không ngưng, đứng trước hăng năm bảy ngàn thiện-nam tín-nữ. Nhưng chớ tưởng ứng khẩu như thế là thi không điều luyện.

Những nhà thi bá một khi nghe ông thuyết-pháp phải lắc đầu, vì lối thi của ông rất điều-luyện và trác-tuyệt. Nếu phải là tay thi gia, chưa hẳn ngồi nặn nọt mà làm được. Có người nghi ngờ ông đã làm sẵn, rồi học thuộc lòng. Điều nghi ngờ này bị phá tan khi có nhiều nơi đưa đầu-đề ra nhờ ông giảng là ông liền ứng khẩu cả hia ba tiếng đồng hồ mà không dứt.

Hoặc giả, người ta muốn thử coi ông có làm sẵn không, bèn đưa ra cùng một đầu-đề đó mà ở nơi này thì giảng khác, còn ở nơi nọ thì lại giảng khác nữa. Nói tóm một điều là ông tùy căn-cơ và trình-độ của thính- giả mà hoá-độ. Ông biết rõ căn-cơ và đi thấu và ý-tưởng của mỗi người đến hầu chuyện với ông.

Chính vì chỗ cơ-huyền này mà nhiều người đến hoặc hỏi pháp hoặc xin thơ đều được ông làm thoả-mãn. Ông cho thơ ngay tại chỗ, viết trước mắt mọi người. Và điều kỳ-diệu mà người đến xin thơ phải ngạc-nhiên là bài thơ ấy nói đúng vào bản-tính của mình. Có một lần, có một người được ông cho thơ, khi đọc đến phải khùng-khiếp, vì những lời mà người ấy nguyện hằng đêm trước bàn Phật đều được lặp lại trong bài thi.

Còn một điều mà các nhà thơ phải khâm-phục là ông thường làm một lối thơ khoán-yêu nghĩa là hạn chữ ở nửa chừng câu.

Đây chúng tôi xin đơn cử ra một bài thơ ông cho một ông đốc-phủ nọ ở Sài gòn, một bài thơ bằng chữ nho, mặc dầu từ bé đến lớn ông không hề có học, vừa khoán thủ, vừa hai lần khoán yêu. Bài này làm ngay khi ông đốc-phủ ấy đến xin :

Cứu trần **Thiền** duyệt **Kiếp** mê si,

Dân chúng **Tông** đồ **Hối** sự phi.

Mạt pháp **Tịnh** diêu **Tà** chánh khởi,

Kiếp phàm **Độ** tái **Loạn** bình thi.

Phật sanh **Kiêm** thế **Qui** liên toạ,

Tiên hoạt **Hành** nhưn **Kiến** ngọc trì,

Lâm khổ **Bất** cần **Long** hổ trợ,

Trần hoàn **Di** dịch **Hội** chi nguy.

Xin tạm lược đại-ý như vầy :

- Xuống trần cứu người khỏi kiếp mê si, trở lại vui thích ở cửa thiền.
- Cho dân-chúng tông-đồ hối cải việc quấy.
- Ở thời-kỳ diệt-pháp thì khởi ra hai mối là chánh.
- Ở kiếp phàm thì vẫn trở qua trở lại, loạn với bình thi nhau.
- Phật ra đời để đem về toà sen.

- Tiên giáng trần khiến người thấy được bệ ngọc.
- Cảnh khổ đã đến sao chẳng cầu Long hổ cứu trợ.
- Cuộc trần hoàn sắp thay đổi, nổi nguy khổ dồn đôn.

Đọc toàn bài đã có nghĩa, mà khi đọc dọc xuống hàng thứ nhất, thứ ba và thứ năm, chúng ta sẽ thấy ba câu :

Câu đầu : **Cứu dân mạng-kiếp Phật Tiên lâm trần**, có nghĩa : Phật Tiên xuống phàm cứu dân trong thời-kỳ mạng-kiếp.

Câu thứ ba : **Thiền-tông Tịnh-độ kiêm hành bất di**, có nghĩa : Hãy tu hành cả pháp-môn Thiền-tông và Tịnh-độ chớ dời đổi.

Câu thứ năm : **Kiếp hối tà loạn qui kiến Long Hội**, có nghĩa : Hãy mau cải tà qui chánh thì sẽ thấy Hội Long-Hoa.

Như thế đủ thấy tài làm thi của ông là tuyệt và sự nhận-định huyền-cơ của ông cũng siêu phàm.

Đây chúng tôi xin trích thêm một bài thơ bằng văn Việt để cho ai ai cũng có thể thưởng thức, chẳng những cái hay của lối thơ khoán yêu mà còn nhận-thức những lẽ huyền-cơ của ông Thanh-Sĩ về cõi đời Hạ-Ngươn này :

*Xót thương **Hạ** giới chịu tan-tành,*

*Ấy cũng **Ngươn** do nghiệp bất lành.*

*Đến lúc **Gần** đây tuồng nhị chúa,*

*Sẽ ra **Có** cuộc trở tam thanh.*

*Nước tràn **Tẩy** sạch phùng vô đạo,*

*Lửa dấy **Trần** thiêu lũ bất minh.*

*Hỡi trẻ **Bớ** già mau tỉnh ngộ !*

*Tu cầu **Dân** chúng sớm thăng-bình.*

Ngoài ý-nghĩa của toàn bài cho biết cuộc biến-thiên trong những ngày sắp tới mà ai ai cũng nhận thấy, chúng ta khi đọc câu thứ ba theo chiều dọc xuống còn thấy câu khoán-yêu này : **Hạ-Ngươn gần có tẩy trần bớ dân !** Như thế thật là tài tình, tài tình ở chỗ toàn ý bài thơ với câu khoán-yêu cùng một ý-nghĩa.

Cái lối thơ khoán-yêu là cái lối thơ sở trường của ông Thanh-Sĩ. Nói thế chẳng phải về các loại thơ khác ông không tinh. Cho đến nay ông sáng-tác được ba tập thơ: *Châu thuyết*, *Tiếng chuông cảnh tỉnh* và *Tỉnh thế*.

(1) Ngoài ra ông cho thơ rất nhiều và viết nhiều bài trường-thiên, nhưng tiếc vì tản mác một nơi một mớ, nên không kết-tập được. Một điều đáng tiếc nữa là mỗi lần thuyết-pháp, ông điều dùng lối ứng khẩu không được ký âm, cho nên không còn dấu tích lưu lại.

Một người từ chỗ vô học mà trở nên sáng tỏ thông-minh như thế, thật là một việc hy-hữu. Trong người ấy hẳn có cái gì siêu phàm lắm.

1- Thế nào là người phát huệ ?

Trước khi đi sâu vào tư-tưởng-giới của ông Thanh-Sĩ, tưởng cũng nên biết qua thế nào là người phát huệ, và có phải đó là một hiện-tượng thần-bí không ?

Về sự phát Huệ, trong Sấm Giảng của Đức Huỳnh-Giáo-chủ có đoạn viết :

Nếu ai mà biết chữ tu trì,

Tâm bình tịnh được thì phát huệ.

Như thế đủ thấy rõ rằng hễ cái tâm đã định thì tức nhiên Huệ phát. Cũng như một hồ nước mà cứ mãi động, cặn cẩu nổi lên thì không làm sao thấy được đáy hay ngòi trên bờ hồ dòm xuống mà thấy rõ diện mục. Phải làm cho đáy hồ yên tịnh, cho cặn cẩu lắng xuống thì nước hồ tự-nhiên trong, tức nhiên ngó thấy được đáy. Cái tâm con người cũng thế, hễ nó xao-động thì nó gây thêm vô-minh, duy nó yên tịnh thì nó mới phát Huệ, nghĩa là đạt đến sự sáng tỏ.

Để đạt được Huệ, trong nhà Phật có sáu pháp Ba-la-mật phải tu, mà Tàu dịch là Lục-Độ nghĩa là sáu chiếc đò đưa đến bến giác, tức là Huệ vậy.

Sáu pháp Ba-la-mật ấy là :

1° *Đàn-na* (Dana) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Bố-thí* nghĩa là đem tiền của, thân mạng, pháp mà ban-bố cho chúng-sanh.

2° *Thi-la* (Sila) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Tri-giới* nghĩa là giữ các giới-luật của kẻ hoặc tu tại-gia hoặc tu xuất-gia.

3° *Sẩn-đề* (Ksanti) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Nhẫn-nhục* nghĩa là nhẫn chịu mọi đau khổ trên đời.

4° *Ti-lê-da* (Virya) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Tinh-tấn* nghĩa là nhứt tâm sấn bước tới, không hề nãn chí.

5° *Thiền-na* (Dhyana) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Thiền-định* nghĩa là yên tịnh cõi lòng và dứt tâm tán loạn.

6° *Bát-nhã* (Prajna) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Trí-huệ* nghĩa là trí thông suốt các pháp, thấu hiểu chơn-lý.

Cứ theo sáu pháp này mà tu-hành chơn chánh thì sẽ đạt được Huệ. Sáu pháp này có thể giản-súc lại làm ba pháp: Giới, Định, Huệ, nghĩa là phải giữ giới và thiền-định thì đạt được Huệ.

Như thế muốn được Huệ phải hành sáu pháp Ba-la-mật. Như trường-hợp của ông Thanh-Sĩ, có phải ông cũng đã hành y theo pháp Lục-độ kia không ? Như chúng ta đã biết : ông Thanh-Sĩ chỉ tu theo pháp cư-sĩ tại-gia pháp-môn của Đức Huỳnh-Giáo-chủ, một pháp-môn chỉ tu nhưn đạo, học Phật tu nhưn, thì nhờ đâu ông lại lại phát Huệ ? Vì đâu người không học mà nói pháp rất rành ?

Về điều này trong Sấm-giảng của Đức Huỳnh-Giáo-chủ có đoạn giải rằng :

Đức Lục-Tổ ít ai dám sánh,

Người dốt mà nói pháp quá rành,

Lựa làm chi cao chữ học-hành,

Biết tỏ ngộ ấy là gặp Đạo.

Như thế rất rõ : trường hợp của Lục-Tổ Huệ-Năng không có học mà nói pháp rất rành, cũng chẳng qua là nhờ tỏ ngộ mà thôi.

Nhưng biết đâu sự tỏ ngộ của Đức Huệ-Năng chẳng chỉ để hoàn-thành bao nhiêu sự học hỏi ở tiền-kiếp ?

Về điều này, ông Thanh-Sĩ trong quyển *Châu-thuyết* cũng có viết :

Có học có biết có tường,

Không học mà biết phi thường khó thay !

Có bông có trái nhờ cây,

Có công tu-luyện được tài Thần-thông.

Cũng là một ý-nghĩa cho biết đã có công tu-luyện ở tiền kiếp chớ chẳng phải không. Như thế trong những người sáng tỏ, phát Huệ ngày nay hẳn có một tiền kiếp siêu-phàm.

Về trường-hợp của ông Thanh-Sĩ, không thấy ông cho biết điều gì quá sự hiểu biết của người phàm-tục. Ông rất khiêm-tốn mà cho biết rằng :

Lòng nguyên một kiếp một thân,

Vừa lo tự giác, vừa lần giác tha.

Và bổn-phận của ông là để nhắc nhở lại những điều giáo-hoá của Thầy cho người đời phấn-khởi tu-hành :

Kể từ ngày lối dạng Sĩ Thanh,

Miền Châu-đốc chỉ rành đường lối.

Khi vắng mặt Đức Thầy tâm tối,

Giục-giã người phấn-khởi tu hành,

Mặc dầu ông quá khiêm-nhượng, không xưng hô nhưng người ta cũng nhận thấy ở ông một bậc siêu phàm, trong bài thơ tự-thán khoán thủ dưới đây :

Thân do tứ đại hợp nên hình,

Ta đã hồi quan rất bạch minh.

Sống ngụ hồng-trần gieo giống thiện,

Thác hồi cứu vị đạo non linh.

Vẫn không nhiễm-loạn nơi phàm tục,

Xem khắp ta-bà độ chúng-sinh.

Như phải quyên thân vô-lượng kiếp,

Thường vui tái-hiện cứu mê linh.

Với câu “**thác hồi cứu vị đạo non linh**” đủ biểu-lộ tánh siêu-phàm ấy. Càng bộc lộ tánh siêu-phàm và lòng quảng-ái của ông hơn nữa là bài thơ “Lòng ta” sau đây :

Mong mỗi trau gùi tánh Phật nhi,

Độ đời nổi chí đấng từ-bi.

Chúng-sanh nếu mãi còn luân-chuyển,

Nguyện gánh cho trần cái khổ ni!

Khổ ni lãnh chịu cõi trần-gian,

Lần lượt non đài đặng rảnh rang.

Nếu một phút nào dân thống-khổ,

Ta dầu cực-lạc khó ngời an.

An ngời tự tại một mình ta,

Hạ-giải điều-linh mấy vạn nhà.

Dám hỏi tâm phàm đau đớn chẳng,

Hướng hồ Phật Thánh đặng nhàn ca.

Trường-hợp của ông Thanh-Sĩ là như thế thì những người phát Huệ khác cũng như thế.

2- Luật tuần-hoàn của đời sống vô-vi và hữu-vi

Về vấn-đề Tận-Thế và Hội Long-Hoa, ông Thanh-Sĩ nhận-thức không khác Sấm-Giảng. Ông nhận thời-kỳ này là thời-kỳ Hạ-Ngươn, đúng như lời di-giáo:

Đức Thầy dẫn bảo cặn lời,

Hạ-Ngươn nay đã hết đời rán tu.

Vì là thời-kỳ tận-diệt :

Rằng Hạ-Ngươn tận-diệt từ đây,

Phật Thánh Tiên xuống thế đông vầy.

Và ông cho biết trong muôn thuở mới có một lần như thế :

Đời tới đây tai khổ lu-bù,

Vì Tận-Thế muôn thu mới có.

Mà sở-dĩ có cuộc Tân-Thế là vì số Trời đã định :

Chẳng qua phải lúc tai nàn,

Nghiệp trần số hệ Thiên-hoàng đã phân.

Đúng với luật tuần-hoàn vũ-trụ :

Có câu thiên-địa tuần hườn,

Đáo đầu thiện ác một cơn tan tành.

Cái luật tuần-hoàn ấy đã định trong thế-kỷ hai mươi này, và ông Thanh-Sĩ cũng nhận cái luật ấy đúng với lý Tam-ngươn, như Cao-Đài-giáo đã nêu ra. Sở-dĩ phải lập lại Tam-ngươn là bởi con người trong thế-kỷ hai mươi này quá trầm-luân đoạ-lạc :

Trong rất nhiều kinh pháp siêu sinh,

Người đoạ-lạc trầm luân mãi mãi.

Nên mới đành Tam-Ngươn lập lại,

Đời hai mươi thế-kỷ tiêu-điều.

Trong hội này công quả ít nhiều,

Tùy duyên nghiệp luật triều thưởng phạt.

Ông Thanh-Sĩ cho biết cái luật tuần-hoàn của Tam-ngươn không bao giờ dứt.

Sự tuần-hoàn ấy có nghĩa là một cuộc sa-thải, một cuộc chọn lọc có ý-nghĩa tiến-hoá chứ không phải có ý-nghĩa thoái hoá, một cuộc chọn lọc tùy ở duyên nghiệp của chúng-sanh hoặc được thưởng, tiến-hoá cất nhắc lên, hoặc bị phạt, thoái-hoá ngưng trệ lại. Trong thời-kỳ Thượng-Ngươn con người về tánh-chất rất hồn-nhiên, đã cảm-ứng với lý siêu-nhiên, cho nên sự tiến-hoá rất dễ-dàng, một phần lớn đã đắc đạo vượt lên một thế-giới cao-khiết hơn. Phần nào không tiến-hoá thì toạ lạc xuống thời-kỳ Trung-Ngươn.

Trong thời-kỳ này cũng có một phần được tiến-hoá thì vượt lên còn phần nào không tiến-hoá thì trầm-luân xuống thời-kỳ Hạ-Ngươn. Nhưng đến thời-kỳ này thì phần không tiến-hoá không còn được lưu lại, vì là thời-kỳ cùng tột. Phần nào được chọn lọc thì đem về đời Thượng-Ngươn để có dịp tiến-hoá lên còn phần nào không được chọn lọc thì sẽ bị sa-thải, đoạ-lạc, đợi cho đến mấy muôn năm sau, khi từ Thượng-Ngươn chuyển dần xuống Hạ-Ngươn, tùy cảnh đời nào thích-hợp với căn-cơ, nghiệp quả của mình mà lộn trở lại.

Cái luật tuần-hoàn của Tam-Ngươn là như thế. Mà cả luật huyền-vi, ông Thanh-Sĩ cũng cho biết sẽ diễn tiến như thế nữa.

Ở thời-kỳ Thượng-Ngươn, con người sống về vô-vi. Trong con người chứa đựng đủ sự nhiệm-mầu của vũ-trụ, vì con người lúc bấy giờ sống phù-hợp với lý siêu-nhiên. Con người có thể bay được, nghĩa là có đủ phép thần-thông : như đặng vân, độn thổ; có huệ-nhãn, ngồi một nơi mà thấy xa được; có huệ-nhĩ, ngồi một nơi mà nghe được xa; có tha-tâm-thông, ngồi một nơi mà biết chuyện xảy ra ở địa phương xa hay tai biến sắp xảy đến.

Nhưng con người huyền-linh ấy qua đến thời-kỳ Trung-Ngươn trở đi vì sống xa với lý siêu-nhiên, cho nên cái bản-tánh huyền-linh ấy dần dần mất đi, hay giải-thích một cách khác, lớp người huyền-linh đã được tiến-hoá qua thế-giới khác, chỉ còn hạn người không tiến-hoá, nghĩa là kém huyền-linh ở lại. Vì mất bản-tánh huyền-linh cho nên con người phải sống

về hữu-vi, nghĩa là giả-tá vật-chất bên ngoài để bù đắp lại chỗ bản-tánh huyền-linh của mình.

Vì vấn-đề cần sống và để giúp đỡ cho cuộc sống dễ-dàng, con người phải tìm phương sáng-chế về vật chất. Chính vì đó mà sự phát-minh máy móc xuất-hiện. Để thoả-thích cái bản-tánh đẳng-vân, người ta sáng-chế ra phi cơ; để nghe được, người ta sáng chế ra vô tuyến truyền thanh; để thấy được xa, người ta sáng-chế ra vô-tuyến truyền-hình. Người ta còn đương tìm kiếm và sáng-chế ra nữa để đạt đến tha-tâm-thông nhưng chưa có kết-quả.

Mặc dầu nhờ sự sáng-chế, con người đã đạt được một phần mà bản-tánh huyền-linh của mình đã có, nhưng sự sáng chế ấy, kể ra chỉ đạt được một phạm-vi rất hẹp, chớ không được như bản-tánh huyền-linh vô-biên vô-tận.

Như máy vô-tuyến truyền hình chỉ giúp cho người ở xa thấy được những hình nào mà người ta cho thâm vào, chớ không như huệ-nhãn muốn phóng đến cõi nào cũng không hề có chướng-ngại.

Con người một khi sáng-chế ra được máy móc thì lấy làm thoả thích với sự sáng-chế của mình, cho nên một ngày một đi sâu vào đời sống vật-chất, chẳng màng đến đời sống vô-vi. Họ không màng hay không còn nhớ là vì họ đã sống xa thời-kỳ vô-vi, lâu quá rồi. Chẳng những không màng nghĩ, mà họ còn phủ-nhận đời sống vô-vi, cho đó là một sự huyền-ảo không thực.

Đó là căn-tánh của con người sống trong thế-kỷ hai mươi này, nhứt nhứt đều lấy khoa-học làm chuẩn-thăng. Hễ cái gì khoa-học không có thể khám-phá ra hay không có thể đạt đến họ cho là phản khoa-học, phản tiến-hoá.

Ông Thanh-Sĩ cho biết rằng : Vì quá sùng phụng vật-chất máy móc mà rồi đây con người phải đi đến chỗ tiêu-diệt bằng những máy móc do họ sáng-chế ra. Đó là luật tuần-hoàn của lý vô-vi.

Xã-hội loài người tiến từ đời sống vô-vi đến đời sống hữu-vi, để rồi đây trở lại đời sống vô-vi trong thời-kỳ Thượng-Ngươn sẽ tới. Cuộc Tận-Thế lần này là một cuộc tiến-hoá lớn của nhơn-loại. Rồi đây khi đời Thượng-Ngươn được lập, xã-hội loài người sẽ tiến-hoá bằng cả muôn ngàn lần xã-hội văn-minh ngày nay.

Luật tuần-hoàn dĩ đáo, cơ tận-diệt đã hầu kè. Vì thế, Phật, Tiên, Thánh lập ra Hội Long-Hoa để chọn người hiền đức nghĩa là có bản tánh vô-vi lập lên đời Thượng-Ngươn.

3- Những tai-biến trước ngày Hội Long-Hoa

Luật tuần-hoàn đã hiển-nhiên như thế và lý tận-diệt cũng đã rõ như thế, tận-diệt để tẩy sạch lớp trước trần.

Nhìn cuộc đời quá ác-trược, ông Thanh-Sĩ không dứt tiếng than:

Mở lời hột luy muốn tuôn,

Thấy đời tòi tệt lòng buồn nào hơn !

Ngoài môi trau chuốt nghĩa nhơn,

Trong lòng bội bạc oán hờn ai hay.

Lời ngay mà dạ chẳng ngay,

Đời này miệng ngọt lòng cay thiếu gì.

Buồn ai đem bạc đổi chì,

Tiên-bồng chẳng tưởng, tưởng thì trần mê.

Và vì quá đắm mê mà người đời gây ra bao nhiêu tội ác, loạn-luân cang-kỷ :

Tình anh em gây ra thù hận,

Đạo cha con giết lẫn với nhau.

Tranh tước quyền xâu xé đồng bào,

Nghĩa chồng vợ hại nhau tàn nhẫn.

Ở chòm xóm lắm điều như bắn,

Nào dâm-ô nghịch lẫn oán thù.

Phạm tội tình cướp trộm lu-bù,

Đường đạo-đức mờ lu thái quá.

Nếu cái dòng đời ác-trược như thế cứ lôi cuốn đi tới mãi, loài người sẽ tiến đến đâu ? Nếu không đến ngày tận-diệt. Và cái cơ tận diệt ấy đã được báo hiệu bằng những cuộc biến-chuyển, bằng những cuộc chiến-tranh ác-liệt:

Đời Hạ-Nguyên loạn-lạc chiến-tranh,

Chúng áp-dụng thẳng bình dân-chủ.

Ý thông-thái chê đề cổ-hủ,

Lo đua chen hấp-thụ văn-minh.

Nào tự-do trai gái kết tình,

Chúng mặc sức ăn xinh mặc tốt.

Đời mạt-hạ nay đà cùng tội,

Đến đây là ráo rốt cuộc đời.

Cuộc tuần-hườn chuyển động chiều mới,

Tiếng gầm thét rụng rời thân thể.

Khắp thế-giới từ đây hết kẻ,

Sự cạnh-tranh cấu xé lan tràn.

Miễn cho mình danh vị cao sang,

Mặc ai bị tai nạn trời kệ.

Chẳng những loài người điêu-linh mà cả vạn-vật cũng chung số phận :

Đời Tận-Thế lắm cơn dông tố,

Cả muôn người chịu khổ điêu-linh.

Giống cỏ cây sắt đá vô tình,

Cũng chung chịu với mình bi-thảm.

Vì thấy đời sắp đến cơ tận-diệt, Đức Thế-Tôn động lòng bi-cảm, truyền cho các Bồ-Tát xuống trần phổ-hoá cứu vớt chúng-sanh :

Phật từ-bi lấy lòng thâm cảm,

Thấy chúng-sanh tai nạn dập dồn.

Động lòng thương Đức Phật Thế-Tôn,

Truyền Bồ-Tát tách chơn xuống thế.

Khai đạo-pháp tùy duyên phổ tế,

Có dắt-dìu những kẻ chúng sanh.

Quá mê-si tham nhiễm tập-tàn,

Vì quyền tước lợi danh chen lấn.

Và các đấng Phật Bồ-Tát đã xuống trần vào thế-kỷ hai mươi này.

Đạo ngày nay hai mươi thế-kỷ,

Phật ra đời dẫn chỉ trần ai;

Đặng sớm lo tạo cảnh nguyệt-dài,

Dìu bá tánh khỏi nơi khổ hải.

Đạo từ-bi muôn đời ban rải,

Nay vẫn còn tồn-tại trường miên.

Buổi Hạ-Ngươn sanh chúng đảo-điên,

Dem đạo-đức tạo giếng an-lạc.

Các đấng thiêng liêng ấy ngày nay vì mượn xác trần cho nên dân-chúng không tin, nhưng rồi đây sẽ thấy các Ngài tại thế:

Rồi sau đây đặng thấy Phật Tiên,

Cõi thế-gian tháo mở gông xiềng.

Đưa nơnh loại non Tiên dựa kế.

Đó là tới thì giờ biến thế;

Nay còn đang lọc lựa chánh tà.

Nên thâm sàu khắp cả bá gia,

Chịu lắm cuộc phong ba cuồn cuộn.

Bởi còn trong thời-kỳ lừa lọc, cho nên cuộc đời càng ngày càng bối rối, muôn dân đồ thán đảo-điên :

Cả muôn dân đồ thán đảo-điên,

Cam siết chặt truân chuyên nhiều nỗi.

Ngày càng ngày việc đời bối rối,

Đường rộng dài khó nỗi tới lui.

Mà nhưt là miền Á-Đông thì còn chịu biết bao nhiêu tang-tóc.

Từ đây cho đến định quyền,

Biết bao tang-tóc khắp miền Á-Đông.

Và ông Thanh-Sĩ cho biết rằng đời khổ đã tới rồi, nên khuyên bá gia gắng-bó tu-hành:

Lời giục thúc tu-hành gắng-gỗ,

Này bá gia đời khổ tới rồi.

Và sự khổ ấy diễn ra bằng tai nạn dập-dồn :

Lòng lo lắng việc bất thường,

Một ngày một đến đủ đường nạn tai.

Nào là nạn đạn lạc tên bay :

Nổi sầu nạn lạc tên bay,

Nổi thương giặc-giã trong ngoài hại dân.

Làm cho cửa nát nhà tan :

Giang-san phải nhuộm máu điều,

Giống-nòi rời rã sanh nhiều việc hư.

Có thấy chẳng gia cư tan nát,

Cả xóm chòm xơ-xác đảo điên.

Nào là giặc nổi lên khắp thế-giới:

Khắp thế-giới thắm thê thê thắm,

Giặc bao trùm xe trạm đua chen.

Và các nạn binh-đao sủi-dĩ xảy ra, sát hại sanh-linh bỏ thây thi ê-hề là bởi thời-kỳ tận-diệt :

Từ đây nước lửa tràn-trề,

Binh đao dồn-dập ê-hề thây thi.

Đó cũng bởi thời-kỳ tận-diệt,

Nên nhiều điều thắm-thiết lê dân.

Nào là nạn đói đau, nên chi ông Thanh-Sĩ thường khuyên :

Lo cần kiệm tu-hành chánh kỷ,

Vì đói đau lộ vĩ gần đây.

Nên cần-lao trồng trặc lúa khoai,

Đặng chi độ qua ngày thống khổ.

Ông mãi lặp lại rằng nạn đói đau ấy gần lắm rồi :

Đói đau cuộc thế hầu gần,

Cơ Trời xoay chuyển cõi trần ngày nay,

Càng xiết chặt nhiều ngày khổ não.

Vì chịu bao nhiêu tai hoạ dồn dập nên gia-cư lần lần thưa-thớt:

Việc sắp đến trời long đất lở,

Cảnh điều-hiêu vô-vô sầu tư;

Mãi lần lần thưa-thớt gia cư,

Đó mới biết trường đồ mã lực.

Nhưng bấy nhiêu tai nạn cũng chưa hết, vì từ nay cho đến ngày lập đời Thượng-Ngươn còn nhiều nỗi đau khổ chông gai:

Từ nay đến gặp đời Thượng-cổ,

Lướt bụi bờ nhiều chỗ gai chông.

Nào là nạn sơn băng thuỷ kiệt :

Cũng đứng ý chúng hiệp cô,

Sơn băng thuỷ kiệt đói khô bấy giờ.

Cùng một nhân-định với Sấm-Giảng của Đức Huỳnh-Giáo-chủ về đoạn :

Sau đến việc sơn băng thuỷ kiệt,

Khùng thảm thương bá tánh quá chừng.

Nào là nạn ác thú nhiều hại sanh-linh như sấu bắt hùm tha. Về tai nạn sấu bắt hùm tha này ý-kiến ông Thanh-Sĩ không khác ông Ba Thới. Đây chúng ta thử so-sánh.

Ông Ba Thới thì viết :

Có hổ lang ác thú đến nhà,

Hùm tha sấu bắt trẻ già thương ôi !

Ông Thanh-Sĩ thì viết :

Để rồi đến việc can-qua,

Đầy đường sấu bắt hùm tha táng cùng.

Ông Thanh-Sĩ còn mô-tả cảnh thảm khốc ấy, ai trông đến cũng lạc phách kinh-hồn :

Mắc trông thấy tứ vi hổ báo,

Tai nghe rền cày cáo mài nanh;

Mảng-sà núp ẩn rừng xanh,

Lội bơi uốn khúc hoành-hành gớm-ghê.

Kẻ bạo ác hồn mê bất tỉnh,

Dưới sông thời-linh-nghinh sáu to.

Dưới trên con hét con hò,

Lớp bay lớp chạy vày vò người hung.

Lũ gian ác vô cùng sợ hãi,

Người lương hiền chằm rái bước đi;

Nhờ ơn các bực Thần-kỳ,

Thương người trung hậu hộ trì bình an.

Kẻ bạo ác thàm than trộm trách,

Phật Trời không mở vạch rừng mê;

Đến nay gặp việc thảm thê,

Hồn phi phách tán tãi tê mặt mày.

Lời bút tích trưng bày thâm diệu,

Bời tối tâm chẳng hiểu thời thôi.

Để chừng đến việc khổ rồi,

Biết đâu trốn khỏi, lưới trời bủa giăng.

Và đây là cảnh mà người hung ác bị thú phân thân xé thịt.

Kéo lũ lướt qua truông vượt ải,

Bị thú hùm giết hại thốt thừa.

Ruột rà muối xát tốt tưa,

Nhăn mày nhú mặt đổ thừa cho ai ?

Con đũa công đũa đại lỵ-điệu,

Phận túng nghèo kẻ nín người lòi;

Yêu tình bắt giết làm mồi,

Thương người ăn ở bạc vô không còn.

Nào là nạn nước lửa sấm-sét làm chuyển động khắp hoàn-cầu :

*Nạn thủy hoả phong lôi sấm chớp,
Khấp hoàn-cầu Trời Đất chuyển xoay.
Dụng thần-thông Nam Bắc Đông Tây,
Cả vạn vật muôn loài ngư-ngác.*

Mà sở dĩ loài người chịu bao nhiêu tai nạn thâm như thế, vì vậy mà một cuộc lọc lừa chọn người hiền đức đặng châu Chúa Thánh:

*Từ đây lựa lọc sạch tinh,
Đặng châu Chúa Thánh Long-đỉnh xướng ca.*

Và cũng như các Sấm-Giảng, ông Thanh-Sĩ nhận cuộc lọc lừa là một trường-thi cho những người tài đức :

*Từ đây nhiều bực nhiều trang,
Siêu quần bạt chúng lập đàng công danh.*

*Trường thi Trời Phật đã dành,
Ai người hiền-đức ra tranh bảng vàng.*

Cái trường thi này không như cái trường thi của người đời chọn kẻ văn hay võ giỏi, mà là một trường thi đạo-đức, chọn căn hạnh, bản tánh :

*Trong hội này công quả ít nhiều,
Tuỳ duyên nghiệp luật triều thưởng-phạt.*

*Đáp những công hiền nhu khao khát,
Nhờ mưa lành tưới mát bá tông.*

*Cái trường thi đạo-đức rất thông,
Mà cũng ở vào trong căn hạnh.*

*Thi đức-trí thi trong bản-tánh,
Chỗ bại thành do bởi lòng người.*

Và cái trường thi ấy không chi khác hơn là Long-Hoa Đại-Hội.

4- Giảng về Hội Long-Hoa

Ông Thanh-Sĩ còn cho biết cái trường thi đạo-đức ấy, cuộc Đại-Hội ấy sẽ mở tại Nhà-bàn :

*Long-Hoa Đại-Hội Nhà-bàn,
Thương thay những kẻ bạo tàn còn chi !*

Bởi Long-Hoa Hội là một trường thi chọn người hiền-đức, cho nên muốn đi đến phải là những bực trung lương đã sửa thân cải tánh. Bởi thế, ông Thanh-Sĩ thường khuyên :

Rán mà cải tách sửa thân,
Long-Hoa mới dựng hầu gần Phật Tiên.
Chín toà sen báu hoa liên,
Phật Ngài lộ vẻ nhưn hiền ai đương.
Rạng mà những bức trung lương,
Gian dâm vô đạo đầy đường huyết lưu.

Và chỉ khi nào Hội Long-Hoa mở ra mới hết cơn khổ não, nước trị nhà an:

Muốn cho nước trị an nhà
Cầu Trời mở Hội Long-Hoa non đoài
Và đây là cảnh Long-Hoa Đại-Hội được ông Thanh-Sĩ mô-tả rất rõ :
Muốn hầu dưới cội Hoa-Long
Được xem Tiên Phật công đồng thưởng ban;
Đem bao tiếng ngọc lời vàng,
Tuôn nghe như suối trên ngàn đổ ra.
Vừa thâm vừa diệu lại xa,
Khiến cho vạn vật hiền hoà như nhau:
Mùi hương phưởng phất ngạt ngào,
Khắp trong vũ-trụ nơi nào cũng nghe.
Mây mù thấy chẳng còn che,
Trăm ngàn nhật-nguyệt sua se ánh hồng;
Nổi lên nhiều trận mưa bông.
Thập phương chư Thánh tỏ lòng cúng dường.
Côn trùng thảo mộc đồng mừng,
Được nhờ đức Phật gọi nhuần phước dư.
Thế gian tử hiếu phụ từ,
Khắp trong thiên hạ an cư thái bình.

Thật là một cảnh-tượng vô cùng đẹp xinh, một cảnh do phép của Phật Tiên tạo ra. Như thế, muốn được thấy cảnh tượng ấy, đâu phải là dễ. Nhưng chừng nào mới mở ra Hội Long-Hoa? Ông Thanh-Sĩ bảo hãy chờ cho sấm nổ thì sẽ rõ :

Sấm vang rõ biết rừng tòng,
Điển quang chớp nháng Lạc-Hồng khởi phong.
Sẽ rõ biết Hoa-Long Đại-Hội,

Cân công-bình chẳng mối vị tư.

Tiếng sấm nổ, ông Thanh-Sĩ cho biết cũng như các Sấm-Giảng từ ông Sư-Vãi Bán-Khoai cho đến Đức Huỳnh-Giáo-chủ, sẽ là một hiện tượng vô cùng quang-trọng, vì tiếng sấm ấy sẽ làm lộ lâu đài cung điện :

Sấm vang điện ngọc lộ ra,

Hào quang Đức Phật Di-Đà sáng trưng.

Trên nhạc thổi chín từng mây bạc,

Dưới điện đài lâu các nguy-nga.

Vì đâu sấm nổ lại lâu các lộ ra ? và lộ ra ở đâu ? Ông Thanh-Sĩ không nói ra, nhưng cho biết rằng những cảnh đẹp xinh ấy nay vẫn còn ở chốn sơn lãnh, đương chờ người trọn lành bước tới :

Chốn sơn lãnh nay còn chờ đợi,

Người chọn lành bước tới xem hoa.

Kìa tường vân năm thức chói loà,

Nọ rực-rỡ trăm hoa ngũ sắc,

Cảnh xinh đẹp cứu trùng đài các,

Đời thiếu chi vàng bạc của tiền.

Ông Thanh-Sĩ vẫn nhắc cho người đời nhớ rằng : mặc dầu ngày nay thấy là núi rừng, nhưng mai sau chính nơi đó sẽ có nhiều quý báu, qui tụ Thánh-Thần :

Nay núi rừng chim kêu vượn hú,

Sau rồi xem qui tụ Thánh-Thần;

Được trưng bày phép lạ phi thân,

Đầy hạnh phúc muôn dân thọ hưởng.

Ban đầu ông Thanh-Sĩ còn nói bao-quát rằng những đền đài châu báu ấy còn ẩn trong lâm sơn, sau ông tiến gần một chút nữa mà cho biết những châu báu ấy còn ở trong đá, và rồi đây đá ấy hoá vàng, nên chi ông khuyên :

Lời lành khuyên nhủ thế-gian,

Ran tu gặp đá hoá vàng mà coi.

Và ngày mà đá hoá vàng ấy sẽ là ngày phụng-hoàng chớp cánh :

Đợi chờ xem núi đá hoá vàng,

Cảnh lâm sơn chớp cánh phụng hoàng;

Nhà Thượng-Cổ sửa sang cho chúng.

Tuy nó ẩn-ước nào là đền đài châu báu còn ẩn trong lâm sơn, trong đá, nhưng rốt cuộc rồi, ông Thanh-sĩ cũng không thể giấu mà chỉ ngay ra :

Long-Hoa riết tới cho bền,

Rỏ ràng Bảy Núi lâu đền nguy nga.

Nhưng cũng chưa rõ bằng câu sau đây :

Chờ cho non cấm hoá lâu,

Phật ra công dụng phép màu mới an.

Như thế là ông Thanh-Sĩ cùng nhận-định như ông Sư-Vải bán-Khoai và Đức Huỳnh-Giáo-chủ.

Về điều này ông Sư-Vải bán-Khoai đã viết:

Chừng nào Núi Cấm hoá lâu,

Thời là bá tánh đâu đâu thái bình.

Và Đức Huỳnh-Giáo-chủ thì viết:

Lâu đài núi Cấm lộ nay mai,

Thức tỉnh chúng sanh mới tỏ bày.

Khuyên dạy dân tình minh đạo đức,

Tu hành được thấy cảnh Bồng-Lai.

Ông Thanh-Sĩ cũng nhận như ông Sư-Vải Bán-Khoai rằng chừng nào Cấm sơn lộ vẻ thì thiên-hạ mới yên :

Chừng nào cá nọ hoá long,

Cấm sơn lộ vẻ đền rồng mới yên.

Về Thất-Sơn, ngoài hiện-tượng hoá-hiện đền đài châu báu, ông Thanh-Sĩ còn cho biết nhiều hiện-tượng khác nữa, như cảnh Phật Tiên xuất hiện trên mây :

Xem coi đến việc Thất-sơn,

Hào-quang Phật hiện nghe đờn trên mây.

Và Thất-Sơn sau này sẽ là bãi chiến trường ghê-gớm giữa các nước đến tranh giành châu báu:

Ngày sau dân sự chật đường,

Thất-Sơn đồng lớn chiến-trường gớm ghê.

Kẻ ác đức chịu bề khói lửa,

Nổi đau binh chan-chứa một bầu.

Từ đây đến việc không lâu,

Tu đừng mạnh yếu nạn sâu bên lưng.

Và khi sanh-linh đồ thán, máu chảy thành sông, xương chông tợ núi thì khi ấy, người đời mới thấy rõ Phật Tiên:

Rồi sau đây thấy rõ Phật Tiên,

Cõi thế gian tháo mở gông xiềng,

Đưa nhơn-loại non Tiên dựa kế.

Các Ngài từ trên chín tầng mây bạc thừa hạc xuống trần:

Phật Tiên Thánh mấy tầng mây bạc,

Lìa vị ngôi thừa hạc phàm gian.

Thiên-liêng Phật định vén màn,

Đủ đầy màu nhiệm phép tràng trị dân.

Chỉ có phép màu của Phật mới thấu phục và định phần các nước:

Sấm vang điện ngọc lộ ra,

Hào quang Đức Phật Di-Đà sáng trưng.

Trên nhạc thổi chín tầng mây bạc,

Dưới điện dài lâu các nguy nga.

Phật Tiên Thần Thánh hằng-hà,

Định phân chư quốc phục hoà từ đây.

Đến chừng đó sum vầy tôi Chúa,

Lúc khai-hoàn Thầy tứ xứng ca.

Và chính lúc Phật Tiên thừa hạc lâm phàm, Chúa Thánh mới trở mặt:

Chín tầng mây chư Tiên thừa hạc,

Đồng ứng thỉnh khúc nhạc reo vang.

Chúc vạn dân được hưởng an nhàn,

Đặng phò tá tôn nhan Thánh Chúa.

Khắp thế-giới mây lành bay tủa,

Được vui cười Thượng-cổ thanh tân.

Đồng gọi nhuần Minh-đức Tân-dân,

Trời phân định cõi trần chí thiện.

Và cũng chính lúc ấy mới thấy bảng Phong-Thần, trong mấy ngàn năm mới thiết-lập lại một lần:

Nền Phật-pháp thành lòng yêu chuộng,

Nếu bỏ qua rất ủng bớ dân !

Mấy ngàn năm mới có một lần,

Non nhược thuỷ Phong-Thần thiết lập.

Tạo lư-bồng trận đồ bủa khắp,

Có định tường tam-thập lục-nhơn.

Người tu hành được hưởng phước dươn,

Kẻ hung ác Thần Tiên nã tróc.

Về câu “tam thập lục hơn”, ông Thanh-Sĩ cùng một nhận-định như Đức Huỳnh-Giáo-chủ ở câu :

Long-Hoa Hội ân cần lo lập,

Lập cho rồi tam-thập lục hơn.

Và khi bảng Phong-Thần được thiết-lập, kẻ hung ác sẽ bị xử tiêu thì sẽ đến Long-đình hội yến ban thưởng kẻ hiền-đức:

Xem rõ biết Phong-Thần dựng bảng,

Hội Mây-Rồng tỏ rạng non chiều.

Chư Thiên hưởng cảnh tiêu-diêu,

Đờn ca sáo thổi thêm nhiều báu xinh.

Sẽ đến lúc Long-đình hội yến,

Trên Thiên-nhan ban thưởng tôi hiền.

Chói ngời đèn ngọc Rồng Tiên,

Muôn thu thạnh thới trường miên Lạc-Hồng.

Để hiểu tổng-quát những biến-cổ xảy ra từ sấm nổ cho đến ngày Thánh Chúa trị an, ông Thanh-Sĩ tóm lược trong mấy vần thơ gọn-ghe này :

Chừng nghe đặng tam thỉnh tiếng nổ,

Cảnh rừng tòng nhị trở hoa đơm.

Non đoài bát-ngát hương thơm,

Thần Tiên xuất thế tiếng đàm Ma-ha.

Phong-Thần hội Tiên-gia trở mặt,

Dụng phép màu dẹp giặc trừ thù.

Cơ đồ Minh Chúa tay thu,

Trị an bá tánh đâu đâu thanh nhàn.

Chỉ có Thánh-Vương trở mặt mới đem lại thái-bình trong thiên hạ :

Lời kêu gọi gái trai tỉnh thức,

Nhẹ gót hồng châu chực bệ đờn.

Giọng vàng phụng gáy Kỳ-Sơn,

Thánh-vương trở mặt thần dân thái-bình.

Và chỉ có Thánh Chúa trị vì, chư quốc mới khâm tôn, thần phục :

Ngai vàng Chúa Thánh chấn dân,

Rồng châu hổ phục quần thần kim-giai.

Đến chùng đó nước ngoài từng phục,

Đồng tung hô cầu chúc Minh-Vương.

Tuế tãng vạn tuế thọ trường,

Khâm tôn chư quốc Hầu-vương trị vì.

Và chùng đó nước Việt-Nam sẽ lấy hiệu là Hớn-bang có dựng lên một cây Châu-kỳ, nghĩa là cây cờ có hột ngọc minh-châu, chói sáng cả thế-giới, thấy tốt đẹp vô cùng, rực-rỡ như ánh thái-dương:

Chùng đến đó Châu-kỳ hạnh phúc,

Hiện ngày nay trong đục chưa tường.

Chờ ngày hội hiệp âm-dương,

Thì là Hậu-Hớn Tiên-Đường bình an.

5- Giảng về đời Thượng-Ngươn

Như chúng ta đã biết : tiếng sấm nổ làm cho núi tan vỡ, đền đài châu ngọc hiện ra, đã là một hiện-tượng không ai ngờ, nhưng ngoài hiện-tượng ấy, còn nhiều điều kỳ diệu nữa là sự thay hồn đổi xác của chúng-sanh, tùy căn hạnh mà thành Tiên, thành Phật. Về hiện-tượng này ông Thanh-Sĩ có viết :

Chúng-sanh được thay hồn đổi xác,

Tùy thiện-căn làm Phật làm Tiên.

Đó mới tri rõ việc cơ-huyền,

Trong bá tánh bình yên vô sự.

Chẳng những được thay hồn đổi xác mà còn phản lão hoàn đồng nữa :

Long Hoa Hội xem vào quý báu,

Phật Thần-thông phản lão hoàn-đồng.

Kim liên đưa nở núi sông,

Hào quang Phật rọi dặm hồng ngũ vân.

Ngày ngày được hầu gần bộ ngọc,

Rất toại lòng mưa móc gội nhuần.

Và được như thế là nhờ phép màu của Phật :

Đến khi náo loạn quỷ tà,

Có bầu linh-dược của Bà cứu cho.

Một khi đời Hạ-Ngươn được giải-thoát, tức là đi đến đến đời Thượng-Ngươn an-lạc :

Đời Ngươn-Hạ một lần giải-thoát,

Cảnh Thượng-Ngươn an-lạc nhà nhà.

Và đây ông Thanh-Sĩ cho chúng ta biết về đời Thượng-Ngươn tốt đẹp mà mọi người đều mong ước. Trước hết ông Thanh-Sĩ cho biết đời Thượng-Ngươn là một đời mà khắp thế-giới đều an-cư lạc-nghiệp, cách ăn thối ở đều khôn ngoan, không có cảnh gái trai lăng loàn :

Khắp thế-giới an-cư lạc-nghiệp,

Đời Thượng-cổ giữ theo nề-nếp,

Cách ăn ở bất thiệp khôn ngoan.

Cả gái trai chẳng có lăng loàn,

Bỏ thói mới văn-minh cận-bã.

Con người ở thời-kỳ này đều là hạng tài ba, từ ngoài đường cho đến trong nhà đều an-hoà, thuần-phong mỹ-tục:

Tu cho sống sót mà coi,

Coi người Thượng cổ hẳn hòi tài ba.

Dựng lên quốc-tịnh dân hoà,

Ngoài đường mỹ-tục trong nhà thuần-phong.

Chẳng những đời sống xã-hội Thượng-Ngươn được mỹ-lệ mà còn hoà-hợp nhau không có tư riêng, đầy đầy châu báu cho đến của rơi không người lượm:

Hoà hợp nhau chẳng có tư riêng,

Đời bình-trị nhà không đóng cửa.

Giữ thức lệ cách ăn thối ở,

Chẳng lưu-manh gian-trá mị dân.

Đời đầy đầy báu ngọc châu trân,

Không có kẻ gian thần dòm ngó.

Đức Thánh Chúa như trang vua Võ.

Trị vì dân lớn nhỏ an-cư,

Nhờ từ-bi Phật xuống phước dư,

Cho bá tánh được câu hạnh-phúc.

Con người thì thanh nhàn thông-thả, phải chẳng khỏi cần lo miếng ăn vật uống, vì ngoài đồng đã có lúa trời mọc sẵn như ông Ba Thối cho biết, cho nên tiêu-diêu tự-tại, ngao-du bốn biển năm hồ :

Đời nay nặng việc thuế sưu,

Thượng-Ngươn thông-thả oán cừu cũng không.

Nghêu-ngao rao Bắc hò Đông,

Trầm ngâm như gã Tử-Phòng sáo tiêu.

Năm hồ bốn biển tiêu-diêu,

Vui vầy đất Thuấn Trời Nghiêu khoẻ lòng,

Ở ăn trên dưới giữ đồng,

Thánh-quân nhiếp chánh thời thần thuận trung.

Ông Thanh-Sĩ cho biết Thánh-Vương ở đời Thượng-Ngươn sẽ noi theo gương của vua Nghiêu vua Thuấn mà trị dân, cho nên đời ấy rất hiền-đức:

Đức Thánh-Chúa noi theo Nghiêu-Thuấn,

Đời an khương gầy dựng tôi trung.

Khắp thần dân hưởng sự thung-dung,

Cả muôn họ vui mừng há dạ.

Đời hiền-đức gìn theo phong-hoá,

Khắp hoàn-cầu một dạ yêu nhau.

Mà sở-dĩ khắp hoàn-cầu đều một dạ yêu nhau, hoà thuận nhau, là vì ở đời Thượng-Ngươn, tam-giáo qui nguyên, các nước đều tu có một đạo, cùng một lối giáo-dục như nhau. Chính nhờ đó mà xã-hội Thượng-Ngươn sẽ được thái-bình vĩnh-viễn cả mấy muôn năm:

Lập đời Thượng-cổ huy-hoàng,

Dưới trên hoà thuận gia-đàng ấm no.

Mùi bát-nhã thơm tho khắp chốn,

Tam giáo đều một bốn thủy nguyên,

Thánh tài xuất thế bình yên,

An bang tế thế vô biên trí mầu.

Khắp thiên hạ cúi đầu khâm phục,

Cả hoàn-cầu giáo-dục như nhau.

Đại-đồng bác-ái thanh cao,

Phật Trời phân định nước nào cũng tu.

Thương lẫn nhau không thù không oán,

Xốt ngọt bùi giới-hạn nào phân.

Sạch lòng chẳng chấp ngã nhân,

Trên vua ngay thẳng dưới thần cúc cung.

Trong gia-đạo ngoài cùng lân quốc,

Nhường nhịn nhau ở thật ăn ngay.

Đâu đâu thanh trị trong ngoài,

Từ trên nhân vật đến loài cỏ sần;

Cũng được hưởng gió trăng đầm ấm,

Vẻ tươi cười đượm thắm hoa xinh.

Về vấn-đề tam-giáo qui-nguyên, chúng ta cũng đã thấy ông Ba Thối nói tới với những câu :

Qua ngày sau không miếu không đình,

Hội-tề công sở nhứt tình quốc-gia.

Nước Tây Phiên nhà thờ không cha,

Niệm Trời niệm Phật quốc-gia an-hoà.

Mười tám nước như con một nhà,

Đều thời niệm Phật Di-Đà công phu.

Như thế chúng ta đủ thấy rằng ông Thanh-Sĩ nhận-định huyền-cơ, nhứt nhứt đều phù-hợp với sự nhận định, tiên-tri của ông Sư-Vãi Bán-Khoai, ông Ba Thối và Đức Huỳnh-Giáo-chủ, nghĩa là cả phái của Đức Phật-Thầy Tây-An.

Ông Thanh-Sĩ cũng như mấy Ngài trong phái Phật-Thầy, cho biết thế nào người đời cũng sắp đến cơ tận-diệt và hội Long-Hoa sắp mở ra để chọn người hiền đức, lập đời Thượng-Ngươn, nhưng định ngày giờ chừng nào Hội Long-Hoa mở ra thì không ông nào dám nói. Tứ-Thánh đã than: “Thiên-cơ bất lậu”. Đến ông Thanh-Sĩ, ông cũng thú nhận là không dám bàn:

Thiên-cơ đây chẳng dám bàn,

Chỉ đem ý nghĩ phổ toàn vậy thôi.

Mặc dầu ông không dám định ngày giờ, nhưng ông luôn luôn nhắc cho người đời nhớ rằng: Thế cuộc đã cận lắm rồi, không còn lâu.

Ngày nay thế cuộc hầu gần,

Rán mà để dạ ân cần chùi lau.

Hay là:

Từ đây đến việc không lâu,

Tu đừng mạnh yếu nạn sâu bên lưng.

Và muốn cho người đời nhận-thức ý-nghĩa của những danh-từ “hầu gần” hay “không lâu” đó thế nào, ông không ngần-ngại mà ví nó như trái chín mùi muốn rụng :

Chín mùi trái nọ muốn rơi,

Mà còn chim chuột khuấy chơi lờ-làng.

Hoặc giả:

Đời nay như trái chín mùi,

Sao còn lăm kẻ ham vui lợi quyền.

Và đây là một tin quan-trọng mà ông báo trước cho người đời sớm liệu lấy thân, tu hành tinh-tấn :

Than ôi ! sắp khởi ngòi chiến quốc,

Vận Nam-bang quả đất Trung-Ương.

Và đây là một bài thi khoán-thủ, có ý-nghĩa thức tỉnh người đời mà ông đã thân tặng một vị bác-sĩ nọ ở Saigòn :

Trong trần khởi động cuộc phong ba,

Hai lẽ trầm thặng với nghịch hòa.

Ngàn việc cao sang như ảo mộng,

Năm điều giới-luật tự châu sa.

Tận kim bởi quả kim điều-xảo,

Thế cổ vì nhân cổ thật-thà.

Đến lúc châu nhi hườn phục thì,

Nơi nơi hãy tỉnh giấc Nam-kha.

Ông Thanh-Sĩ cho biết với câu khoán thủ: **trong hai ngàn năm Tận-Thế đến nơi.**

Vương Kim

Nguồn: <https://hoahao.org/p176a3895/tan-the-va-hoi-long-hoa>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MẠNG VỚI HƠN 11500 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC